

BẢO TỒN VÀ KHAI THÁC NGUỒN GEN NAI

Lê Thị Biên và cộng sự

1. NGUỒN GỐC/XUẤT XỨ

Trong phân loại học nai thuộc lớp động vật có vú (*Mammalia*), bộ guốc chẵn (*Artiodactyla*), họ sừng đặc *Cervidea* hay họ hươu nai, loài nai. Phụ loài nai Việt Nam là *Cervus inicolor Equinos*.

Nai là một loài động vật quý trong rừng nhiệt đới nước ta. Nghề nuôi nai đã có từ rất lâu, tuy sự phát triển chưa thật rộng và nhiều như nghề nuôi hươu.

Nai có thể xem là động vật bán thuần dưỡng, một dạng nằm giữa gia súc và thú hoang, vì vậy chuồng trại nuôi nai phải rất kiên cố để phòng nai thoát chạy về rừng. Để góp phần vào đa dạng nguồn gen con nai Việt Nam, đầu năm 1996, Bộ Lâm nghiệp Myanmar đã tặng và bán hữu nghị cho Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam 25 con nai giống quý hiếm

Theo quyết định số 254 NN-KHCN/QĐ ngày 9 tháng 3 năm 1996 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn: "Giao nhiệm vụ cho Trung tâm Nghiên cứu Bò và đồng cỏ Ba Vì tiếp nhận, nghiên cứu, nuôi giữ động vật quý hiếm do Myanmar tặng và hỗ trợ Việt Nam để bảo tồn quỹ gen, làm cơ sở cho công tác nghiên cứu đánh giá khả năng thích ứng của nai nuôi tập trung trong điều kiện sống mới ở Ba Vì.

2. PHÂN BỐ

Nai cổ đại được tìm thấy tại nước ta và các nước Nam á và Đông Nam á, Việt Nam. Trước đây khi còn nhiều rừng ở nước ta có rất nhiều nai, đặc biệt là ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Nhưng do sự săn bắt bừa bãi số lượng nai ở nước ta giảm sút rất nhanh. Hiện tại số lượng nai nước ta không nhiều, tập trung chỉ ở một số tỉnh Tây Nguyên và số ít ở vùng Nghệ An, Hà Tĩnh. Điều tra ở tỉnh Đắk Lắk, qua mấy năm cho thấy đàn nai tăng giảm thất thường, tốc độ tăng đàn chậm.

Bảng 1: Số lượng nai qua các năm

Năm	Số lượng	Năm	Số lượng	Năm	Số lượng
-----	----------	-----	----------	-----	----------

1991	375	1993	284	1995	320
1992	450	1994	270	1996	367

Điều tra ở diện rộng trên 6 tỉnh và thành phố Đồng Nai, thành phố Hồ Chí Minh, Phú Yên. Đắc Lắc, Khánh Hoà với 5 trại và 101 hộ đã nuôi 555 con nai và ở Ba Vì hiện nay còn lại 8 con nai nhập về từ Myanmar trong đó đáng chú ý là số nai đực thường nhiều hơn số nai cái.

Thế giới: Nai phân bố ở các nơi như Đông Nam Á, Trung Quốc, Nepal, Ấn Độ, Myanmar, Thái Lan, Lào, Campuchia, Malaysia, Phillipines .v.v..

2. ĐẶC ĐIỂM NGOẠI HÌNH

- Nai có thân hình cao to vững chắc, thuộc loài lớn trong họ hươu nai, khối lượng từ 80 đến 220 kg. Cao vây từ 100-140cm, Nai có lông da màu nâu đen, có màu nâu nhạt hơn ở phần dưới cằm, phía trong chân, giữa hai mông và phần dưới đuôi. Bộ lông dày và sáng hơn vào mùa lạnh nhưng mùa nóng nhiều lông rụng và nhìn những con nai có màu tối hơn.



Nai cái và nai con có màu sắc lông da nhạt hơn con đực. Nai có hiện tượng thay lông hàng năm từ tháng 1 đến tháng 5. Trước khi thay lông, bộ lông cũ mùa đông bạc màu đi rõ rệt, trở nên xơ xác và dòn. Đồng thời sự thay lông diễn ra thành từng đám nhám nhỏ,

trông con vật rất xấu và gầy đi nhiều. Mắt to trong sáng, tuyến lệ rất phát triển. Khi trong đàn nai cái có con động dục thì nai đực có tuyến lệ chảy sẽ xuống nhìn thấy rất rõ.

- Một số tập tính sinh hoạt, ăn nghỉ của nai:

Nai rất nhút nhát, khó tiếp cận, thân trọng khi nhìn thấy người từ xa đã tìm cách lẩn tránh mặc dù đã được con người chăm sóc, nuôi dưỡng từ lâu. Nai có thính giác và khứu giác phát triển nhằm giúp chúng tránh được nguy hiểm nếu bị kẻ thù xâm hại. Nai thường sống theo nhóm, tập tính bầy đàn của chúng cao, khi nằm nghỉ hay nhai lại chúng thường tụ tập theo loài riêng rẽ. Nai đực không đóng vai trò trong việc nuôi con chung, chúng chỉ quan hệ với nhóm nai cái trong thời gian động dục. Mùa động dục nai đực thường ăn ít, tính tình dữ tợn có khi gây nguy hiểm cho con người. Nai chủ yếu hoạt động vào ban đêm. Nai thường ăn vào lúc 9, 15, 17 giờ, thời gian ăn đêm nhiều hơn ban ngày. Thức ăn nai chủ yếu là cỏ, lá non, cành cây và các loại củ quả, các phế phụ phẩm nông nghiệp: bã bia. Trời nóng hoặc quá lạnh nai ăn giảm. Nhưng những ngày nóng nai ăn nhiều vào ban đêm, nếu đêm trời có trăng sáng nai tìm ăn muộn hơn so với đêm trời tối.

4. KHẢ NĂNG SẢN XUẤT

4.1. Khả năng sinh trưởng

Khả năng sinh trưởng của nai là chỉ tiêu đánh giá chế độ chăm sóc nuôi dưỡng, đánh giá con giống ở các lứa tuổi khác nhau về khối lượng, kích thước các chiều đo cơ thể.

4.1.1. Khối lượng đàn nai qua các tháng tuổi

Khối lượng nai đực từ sơ sinh -12 tháng tuổi cao hơn nai cái. Giai đoạn từ sơ sinh -6 tháng tuổi tăng trọng của nai đực và nai cái nói chung nhanh hơn vì giai đoạn này nai con được hưởng nguồn dinh dưỡng từ sữa mẹ. Khối lượng nai sơ sinh trung bình đực cái là 5.84 kg. Giai đoạn 6-12 tháng tuổi khối lượng nai tăng chậm hơn, do đó giai đoạn này cần chú trọng hơn khâu chăm sóc nuôi dưỡng.

Bảng 1: Khối lượng cơ thể nai từ sơ sinh đến 12 tháng tuổi (kg)

Chỉ tiêu	Con đực	Con cái
Khối lượng sơ sinh	6.06	5.63
Khối lượng 6 tháng tuổi	33	27
Khối lượng 12 tháng tuổi	46.5	36

4.1.2. Kích thước một số chiều đo nai

Bảng 2. Kích thước một số chiều đo nai đực từ sơ sinh đến 12 tháng tuổi

Chỉ tiêu (cm)	Sơ sinh	6 tháng tuổi	12 tháng tuổi
Dài thân chéo	39.87	68	74.2
Cao vây	47.55	69.2	83.3
Cao khum	54.9	75.4	90.5
Vòng ngực	41.3	70.33	84.5
Vòng ống	6.44	7.5	7.75

Bảng 2. Kích thước một số chiều đo nai cái từ sơ sinh đến 12 tháng tuổi

Chỉ tiêu (cm)	Sơ sinh	6 tháng tuổi	12 tháng tuổi
Dài thân chéo	38.66	57	65.5
Cao vây	47	65.5	72
Cao khum	53.2	70	82.5
Vòng ngực	40.2	68	74.6
Vòng ống	6.3	7.3	7.5

Kích thước một số chiều đo của nai cũng tăng lên theo các giai đoạn tuổi giống như khối lượng cơ thể. Giai đoạn từ sơ sinh đến 6 tháng tuổi kích thước các chiều đo nai tăng nhanh hơn giai đoạn 6-12 tháng tuổi.

4.2. Khả năng sinh sản

Bảng 3: Một số chỉ tiêu về khả năng sinh sản của nai

Chỉ tiêu	Con đực	Con cái
1. Tuổi thành thực về tính (tháng)	35.6	33.10
2. Tuổi đẻ lứa đầu (tháng)		42.0

3. K.cách 2 lứa đẻ (ngày)		469
4. Thời gian mang thai (ngày)		255.6
5. Mùa động dục (từ tháng)		2-5 và 7-9
6. Chu kỳ động dục(ngày)		27
7. Thời gian động dục (giờ)		34.3 (1-3 ngày)

Tuổi thành thực về tính của nai là tuổi con vật bắt đầu có phản xạ sinh dục và có khả năng sinh sản. Con cái tuổi động dục lần đầu, con đực có phản xạ giao phối. Tuổi thành thực về tính phụ thuộc vào giống, đặc điểm di truyền của bố mẹ và điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng.

Nai mỗi năm đẻ 1 lứa, mỗi lứa đẻ 1 con chưa có trường hợp nào đẻ 2 con. Nai là động vật đơn thai.

- Thời gian mang thai: Trong điều kiện nuôi nhốt, việc nghiên cứu thời gian mang thai của nai là cần thiết, biết được thời gian mang thai, người chăn nuôi sẽ có quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng hợp lý và chuẩn bị chuồng trại chu đáo.

- Mùa động dục, sinh sản của nai: Mùa động dục của nai thay đổi theo vùng địa lý, khí hậu và điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng.

+ Mùa động dục của nai: Nai động dục theo 2 mùa, mùa động dục thứ nhất từ tháng 2-5 nai thời gian này là mùa động dục chính của nai, mùa động dục thứ 2 từ tháng 7-9. Nhưng ở Tây nguyên mùa động dục của nai lại là tháng 1-3 và từ tháng 7-9 (Hoàng Minh Khiêm, 1987), tương tự như kết quả nghiên cứu của Nguyễn Hữu Lương và Khuất Thị Hà năm 2009. Nai có 2 mùa sinh sản rõ rệt. Mùa sinh sản thứ nhất là mùa chính từ tháng 1 đến tháng 2 năm sau. Mùa sinh sản thứ 2 là mùa từ tháng 4 đến tháng 6, tỷ lệ cái/đực là 31.25/68.75%.

4.3. Khả năng kháng bệnh và một số bệnh thường gặp

Nai ăn tạp, sức đề kháng cao, ít mắc bệnh. Nai mắc các bệnh chủ yếu là do chế độ chăm sóc, quản lý chưa tốt, vệ sinh phòng bệnh kém. Nếu bảo đảm cho nai ăn uống đầy đủ, thức ăn đủ chất lượng, nước uống sạch sẽ, chuồng trại khô ráo, thoáng khí... thì đàn nai sẽ khỏe mạnh, phát triển tốt, hạn chế được sự phát sinh bệnh tật, đem lại những kết quả mong muốn. Một số bệnh thường mắc ở Nai:

+ Bệnh chướng bụng đầy hơi: Do nai ăn phải thức ăn kém phẩm chất, như lá cỏ bị thối, mốc, hoặc lá cỏ tươi còn ướt nước hoặc đẫm sương.
- Do nai ăn nhanh quá hay no quá, nhất là ăn no xong lại vận động ngay.
- Do thay đổi thức ăn đột ngột, từ thức ăn tươi chuyển sang thức ăn khô, hoặc cho ăn no đói thất thường.

- Thời tiết thay đổi đột ngột, nhất là những khi trời có giông bão cũng là nguyên nhân làm cho bệnh dễ phát nai bỏ ăn, không nhai lại, đi lại chậm chạp, lờ đờ. Nếu nặng thì đi loạng choạng, mắt đỏ ngầu.

Nguyên nhân: do thức ăn trong dạ cỏ lên men nhanh, sinh ra nhiều hơi, làm bụng phình chướng lên về phía bên trái (phồng cao hơn cả mõm xương hông). Nếu lấy ngón tay gõ vào vùng bụng này ta sẽ nghe như tiếng trống. Trục tràng đầy phân. Dạ cỏ mất phản xạ co bóp, ngày càng chướng to ép lên cơ hoành, gây rối loạn tuần hoàn. Con vật thở rất khó khăn: 2 lỗ mũi nở to, mạch nhanh, cổ cứng đờ. Bệnh nặng hơn nữa thì nai sùi bọt mép, ra mồ hôi đầm đìa, mạch yếu dần, rồi chết vì ngạt thở.

Gặp trường hợp trên ta phải rất nhanh giúp cho nai tống hơi ở dạ cỏ ra ngoài. Làm cho vật ợ hơi: Lấy rom hoặc bì gai chấm rượu gừng hay dầu hoả chà xát lâu và mạnh vào hông bên trái. Dùng que quán giẻ ngoáy mềm kích thích nai ợ hơi ra ngoài. Hoặc cho nai uống 30 gam Na_2SO_4 hay nước sắc các lá như bạc hà, tía tô, lá khế dạ nát vắt lấy nước cho nai uống. Cũng có thể dùng hạt cây thì là sắc cho nai uống hoặc cho uống nước dưa chua... Lấy 5 gam bồ kết nướng vàng, tán nhỏ và thổi vào hậu môn và lỗ mũi làm cho nai đại tiện và hắt hơi dễ dàng. Nếu nai bị quá nặng, loạng choạng và ngã, sùi bọt mép thì phải dùng dùi “Troca” để chọc thủng dạ cỏ. Chỗ chọc dùi là điểm giữa của một hình tam giác ở hông bên trái mà một cạnh là xương.

Sườn cuối cùng, một cạnh là xương sống vùng thận. Trường hợp không có dùi “Troca” thì dùng kim thông dạ cỏ hay dao díp cũng được. Trong giai đoạn chữa bệnh cần cho nai ăn những thức ăn dễ tiêu. Không cho nai ăn những thức ăn kém phẩm chất, không cho ăn quá no và sau khi ăn cần tránh cho vận động quá mức. Không cho ăn lá, cỏ ướt nhiều. Thành phần và khối lượng thức ăn cần thay đổi dần dần tránh đột ngột.

+ Bệnh ỉa chảy: Nai đi phân lỏng do thức ăn kém phẩm chất hoặc do ăn nhiều thức ăn ướt có nhiều nước như củ khoai lang, dây lạc, thức ăn ủ xanh. Cũng có thể do đường tiêu hoá bị viêm hoặc giun sán quá nhiều. Thời tiết thay đổi đột ngột, ăn ở bẩn và chật cũng là một trong những nguyên nhân gây ra bệnh này. Nai kém ăn, hơi sốt, mũi khô, lông xơ xác.

Thời gian đầu thường táo bón, sau ỉa lỏng nhiều lần, làm dính bần từ khấu đuôi đến khoeo chân. Phân có màu xanh vàng, sau xanh đen xám, mùi thối khắm, nhiều khi có lẫn những màng nhầy. Nai bị bệnh gầy đi rất nhanh do mất nhiều nước, kiệt sức dần rồi chết. Nếu nai bị bệnh ta để nai nhịn ăn hẳn trong 1-2 ngày và cho uống nhiều nước sắc đặc những thứ lá chát như búp ổi, lá sim, hồng xiêm.

Hoặc dùng thuốc tẩy để tống hết những thức ăn còn trong dạ dày. Cho uống 30-40 gam Na_2SO_4 , sau đó dùng NaBica với liều lượng 3-5 gam/ ngày. Nếu ỉa lỏng là do viêm ruột thì dùng Ganidan hoặc Becberin cho uống 8-12 viên chia làm 2 lần hoặc dùng Cloroxit 6-8 viên/ ngày/2 lần. Nên cho ăn cháo gạo hay cháo cám có bỏ muối mấy ngày sau khi khỏi. Chuồng trại phải quét dọn sạch sẽ, tiêu độc cẩn thận.

+ Cảm nóng - say nắng: Nai dễ bị mắc bệnh này vào mùa hè từ tháng 4 đến tháng 8 do ở ngoài nắng gắt quá lâu, thiếu nước uống. Nai đột nhiên trông lơ đãng chậm chạp, thường hay nằm, không nhai lại, mạch nhanh, thở gấp, mắt đỏ ngầu, có khi mồ hôi toát ra đầm đìa. Không can thiệp kịp thời nai có thể bị chết. Đưa ngay con vật vào chỗ thoáng mát. Dập nước lạnh lên đầu, dùng khăn khô lau sạch mồ hôi, chà xát vào mình nai từ trước ra sau, từ trên xuống dưới trong 15 phút. Tiêm cafêin hoặc long não và nước sinh lý. Thụt nước lạnh vào trực tràng. Trường hợp nặng thì phải chích máu, nhẹ thì sau 15-30 phút nai sẽ tỉnh. Vào mùa hè không cho nai ở ngoài trời nắng gắt quá lâu. Trong sân vườn nên có nhiều cây bóng mát, đặt nhiều chậu đựng nước có pha muối cho nai uống.

Ngoài ra nai còn có thể mắc bệnh: lở loét, đau mắt, lở móng....

6. CÔNG TÁC BẢO TỒN LƯU GIỮ NGUỒN GEN

6.1. Tuyển chọn, nhân thuần

Đàn nai sau khi được đem từ Myanmar về nuôi tại Trung tâm Nghiên cứu Bò và Đồng cỏ Ba Vì nuôi thuần dưỡng sinh trưởng, sinh sản tốt đến nay chỉ còn số ít cùng với đàn nai ở nước ta hiện nay chủ yếu là giống nai địa phương đã được chương trình Bảo tồn nguồn gen vật nuôi đưa vào lưu giữ từ những năm 1990 tại trường đại học Tây nguyên.

Trong quá trình chọn lọc lưu giữ nai cho kết quả về khả năng sinh trưởng: khối lượng sơ sinh trung: 5.84 kg, khối lượng 6 tháng tuổi 30 kg, khối lượng 12 tháng tuổi 41.25 kg. Khả năng sinh sản: Tuổi thành thực về tính con đực: 35.6 tháng, con cái: 33.1 tháng; tuổi đẻ lứa đầu con cái 42 tháng; thời gian mang thai 255.6 ngày; mùa động dục 2 mùa rõ rệt: tháng 2-5 và 7-9; chu kỳ động dục 27 ngày.

Nai là động vật hoang dã quý hiếm được nuôi thuần dưỡng, những tập tính ăn nghỉ phần nào đã thay đổi. Nai ăn tạp, sức đề kháng cao, ít mắc bệnh. Nai mắc các bệnh chủ yếu là do chế độ chăm sóc, quản lý chưa tốt, vệ sinh phòng bệnh kém. Nếu bảo đảm cho nai ăn uống đầy đủ, thức ăn đủ chất lượng, nước uống sạch sẽ, chuồng trại khô ráo, thoáng khí... thì đàn nai sẽ khoẻ mạnh, phát triển tốt, hạn chế được sự phát sinh bệnh tật, đem lại những kết quả mong muốn.

6.2. Chăm sóc nuôi dưỡng

Trong chăn nuôi nói chung để có năng suất cao, ngoài yếu tố quyết định là giống thì vấn đề chăm sóc nuôi dưỡng tác động không kém đến khả năng sản xuất đó là năng suất, chất lượng nhung, khả năng sinh sản. Chính vì thế chăm sóc nuôi dưỡng là công việc quan trọng, có ý nghĩa đến sự thành công trong chăn nuôi nai.

6.2.1. Nai đực giống

1 nai đực có thể phối giống cho 6-8 nai cái. Nếu phối giống nhiều hơn thì không nên cắt nhung, nai đực phải nuôi riêng nhất là mùa động dục và có chế độ bồi dưỡng thức ăn tinh giàu đạm, khoáng, sinh tố, những này phối giống bổ sung thêm 0.5-0.7 kg thức ăn hỗn hợp tinh, 1-2 quả trứng, 1-2 kg trái cây và tăng liếm khoáng treo ở đầu chuồng cho nai liếm tự do.

6.2.2. Nai đực lấy nhung

Chăm sóc nuôi dưỡng nai thời kỳ mọc nhung là quan trọng nhất trong chăn nuôi nai vì nhung nai sản phẩm thiết yếu nhất của nai, nai ra nhung (sừng non) thường nhú ra từ tháng 6-9, muốn có cặp nhung tốt thì phải bồi dưỡng cho nai nhất là 1-2 tháng trước khi ra nhung, ngoài khẩu phần ăn bình thường hàng ngày cần bổ sung thêm 0.5-0.7 kg thức ăn hỗn hợp tinh, 1-2 kg trái cây, tăng liếm khoáng treo ở đầu chuồng cho nai liếm tự do và 5-7 ngày bổ sung 1-2 quả trứng. Khi nhung nai mới nhú tránh rượt đuổi nai làm nai trượt ngã gãy nhung.

Cắt nhung xong phải cầm máu, sát trùng và băng kín chỗ cắt tránh ruồi nhặng đậu vào gây nhiễm trùng, đồng thời nấu cháo gạo bồi dưỡng cho nai chóng hồi phục. Thường lấy nhung nai 1 lần 1 cặp/năm cũng có khi 2 lần 2 cặp/năm. Nếu chăm sóc nuôi dưỡng đúng quy trình kỹ thuật cắt nhung sau 50-60 ngày kể từ khi mọc nhung thì mỗi năm 1 nai đực có thể cho 1 cặp nhung 0.9-1.0 kg/năm, cá biệt có con cho 1,5-1,6 kg/năm. Nếu khai thác non thì mỗi năm cho 2 cặp nhung 0.4-0.5 kg, cá biệt có con cho 2 cặp nhung, mỗi cặp 0.7-0.8 kg. Trong điều kiện nuôi nhốt một đời nai có thể kéo dài 15 năm và cho 15-17 cặp nhung.

6.2.3. Nai chữa và đẻ

Trong thời gian nai mang thai nên nhốt riêng mỗi con 1 ô chuồng để tiện quản lý và chăm sóc. Nai mang thai 9 tháng 10 ngày. Giai đoạn mang thai thời kỳ đầu từ tháng thứ nhất đến tháng thứ 5 cho nai ăn thức ăn bình thường. Giai đoạn mang thai thời kỳ 2 từ tháng thứ 6 đến lúc đẻ bổ sung thêm 0.5-0.7 kg thức ăn hỗn hợp tinh, 2-3 kg trái cây, tăng liếm khoáng treo ở đầu chuồng cho nai liếm tự do. Thức ăn xanh cần cho ăn đa dạng hơn nhất là các loại cây nai thích ăn: lá sung, lá mít, lá vả... cháo, cám, đu đủ, ngô. Khi nai con được 3 tháng tuổi đã biết tập ăn cỏ lá thì khẩu phần thức ăn của mẹ trở lại bình thường. Trong trường hợp nai cái lâu ngày không chữa đẻ ta phải tiêm hormol kích thích sinh dục. Nếu nai đẻ lứa đầu không biết cho con bú ta phải giữ bắt con mẹ cho con bú.

6.2.4. Chăm sóc nai con

Nai con mới đẻ ra cho bú sữa đầu càng sớm càng tốt, chậm nhất 3-4 giờ sau khi đẻ. Nếu nai mẹ thiếu sữa thức ăn tập ăn kém chất lượng làm cho nai rối loạn tiêu hóa dẫn đến tiêu chảy, hàng ngày cho nai vận động và tiếp xúc với con người. tạo điều kiện cho nó thân thiện với con người. Nai con 2-3 tuần tuổi có thể tập cho ăn cỏ lá tươi, khi nai được 5-6 tháng tuổi thì cai sữa.

6.2.5. Thức ăn của nai

Nai ăn tạp nhưng thức ăn phải sạch, thức ăn nai bảo gồm các loại cỏ xanh tươi trồng hoặc tự nhiên: lá sung, lá mít, lá bưởi, lá xoan...các mầm cây ngọt, rau củ quả, thức ăn hỗn hợp tinh, thức ăn đậm... thức ăn có vị đắng chất nai đều thích ăn. Nai ăn 15-20 kg thức ăn thô xanh/ngày, 1-2 kg thức ăn hỗn hợp tinh có thể là cám gạo, ngô đều được và 1-2 kg quả chuối chín, sung, roi...cho ăn 2 bữa/ngày, đầu mỗi chuồng nuôi treo 1 tảng khoáng liếm cho nai liếm tự do. Ngoài ra cần bổ sung thêm thức ăn tinh, trứng cho nai đẻ thời kỳ lấy nhung.

6.3. Môi trường nuôi giữ

Nai nhút nhát, hiền lành, thính giác, khứu giác phát triển tốt. Thích sống theo bầy đàn nhỏ vào ba con. Môi trường sống thích hợp là trảng cỏ, rừng thưa có nhiều cây, cỏ non... Ban ngày nai thường tìm nơi nên tĩnh, kín đáo và an toàn để ngủ, nghỉ... ban đêm tìm kiếm thức ăn và những hoạt động khác. Từ những năm 1990, giống nai nội địa được trường Đại học Tây Nguyên đưa vào bảo tồn và lưu giữ. Nai nuôi bán chăn thả tự nhiên, là hình thức nuôi vừa có chuồng nuôi vừa có đồng cỏ chăn thả.

Hình thức này môi trường sinh thái của con vật được mở rộng hơn, phù hợp mọi hoạt động sống hoang dã của nó, phù hợp với điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng nên nai thuần

hơn, đỡ nhút nhát hơn, thân thiện với chủ nuôi thuận lợi cho việc khai thác triệt để biệt được quý hiếm của nai đó là nhung nai. Trong điều kiện nuôi nhốt, các hoạt động của nai: ăn, ngủ, nghỉ tiến hành cả ngày lẫn đêm xen kẽ.

6.4. Hướng sử dụng (bảo tồn/khai thác và phát triển nguồn gen)

Kinh tế ngày càng phát triển, đời sống của người dân ngày được nâng cao. Song song với sự phát triển và để đáp ứng nhu cầu của người dân, trong những năm gần đây, trên cả nước đã có nhiều hộ gia đình tìm kiếm, phát triển chăn nuôi một số loài động vật quý đem lại lợi nhuận kinh tế cao điển hình như: Mô hình nuôi: Ba Ba, dê Cỏ, lợn Rừng... Không dừng lại ở việc nuôi các động vật trên, hiện nay nhiều gia đình còn chăn nuôi loài động vật hoang dã điển hình là con nai.

Đây là một đối tượng vật nuôi đặc biệt đem lại hiệu quả kinh tế cao và cũng là hướng đi mới trong phát triển ngành chăn nuôi. Đàn nai Myanmar nhập về nuôi ở nước ta từ năm 1996 đến nay cùng với đàn nai nội nuôi ở Ba vì. Để góp phần đa dạng tính sinh học và đem lại hiệu quả cao hơn trong chăn nuôi hươu, nhà nước cần phải có chương trình mở rộng khai thác và phát triển động vật quý hiếm này.